TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ TÂN UYÊN** **TỈNH BÌNH DƯƠNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 20/2024/DS-ST
Ngày 10-4-2024
V/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ TÂN UYÊN, TỈNH BÌNH DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Chữ Cần

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Huỳnh Sơn Tây

Ông Nguyễn Thanh Cần

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Mỹ Hạnh - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Tân Uyên, tỉnh Bình Dương.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Tân Uyên, tỉnh Bình Dương tham gia phiên tòa: Bà Lê Thị Ngọc Trinh - Kiểm sát viên.

Vào ngày 10/4/2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Tân Uyên, tỉnh Bình Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 395/2023/TLST-DS ngày 19/12/2023 về việc "tranh chấp hợp đồng vay tài sản" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử sơ thẩm số 07/2024/QĐST-DS ngày 29/02/2024 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Trần Thị T sinh năm 1983 và ông Hoàng Văn K, sinh năm 1976 cùng thường trú: xóm T, xã H, huyện H, tỉnh Nam Định, tạm trú: số 13/KDC 22, khu phố B, phường B, thành phố T, tỉnh Bình Dương;

Đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Bà Đặng Thị H, sinh năm 1983 và bà Phan Thị Minh C, sinh năm 1982, địa chỉ liên hệ: số A, đường E, khu phố N, phường D, thành phố D, tỉnh Bình Dương; là người đại diện theo ủy quyền (Văn bản ủy quyền ngày 14/11/2023), bà H, bà C có mặt.

- *Bị đơn:* Công ty TNHH G, địa chỉ: khu phố G, phường U, thành phố T, tỉnh Bình Dương.

Đại diện hợp pháp của bị đơn: bà Go Sun J, là người đại diện theo pháp luật, vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Nguyên đơn và đại diện hợp pháp trình bày:

Từ năm 2021 đến năm 2023, vợ chồng bà Trần Thị T và ông Hoàng Văn K có cho Công ty trách nhiệm hữu hạn G (sau đây viết tắt là Công ty G) vay nhiều lần, cụ thể:

+ Vào năm 2021, bà T, ông K cho Công ty G vay 2.826.000.000 đồng, việc giao nhận được thực hiện bằng tiền mặt, Công ty không lập phiếu thu. Vì vậy đến ngày 05/6/2022 bà Ko Eun H1 – đại diện Công ty G (có giấy ủy quyền) làm giấy mượn tiền với nội dung Công ty G có mượn của bà T, ông K số tiền là 2.826.000.000 đồng, trong thời hạn 05 tháng Công ty G sẽ trả cho bà T, ông K. Hết thời hạn thỏa thuận, Công ty G nhiều lần hứa miệng sẽ trả nhưng vẫn chưa trả cho bà T, ông K. Đến ngày 10/9/2023 bà T, ông K có đến Công ty G gặp bà K1 Eun Hee thì bà H1 có làm Giấy xác nhận nợ với nội dung Công ty G còn nợ của bà T, ông K số tiền là 2.826.000.000 đồng và cam kết sẽ trả cho bà T, ông K vào ngày 30 tháng 9 năm 2023. Tuy nhiên, nay đã quá thời hạn mà Công ty G vẫn chưa trả số tiền này cho bà T, ông K.

+ Ngày 15/7/2023 Công ty G vay của Trần Thị T số tiền 1.755.000.000 đồng, hai bên có làm giấy mượn tiền, Công ty G thu tiền mặt của Trần Thị T và có lập phiếu thu số 000136 ngày 15/7/2023, bà H1 đại diện Công ty G có hẹn ngày 30 tháng 9 năm 2023 sẽ trả hết số tiền này. Tuy nhiên, đến này đã hết thời hạn nhưng Công ty G do bà H1 đại diện vẫn không trả tiền.

+ Ngày 10/9/2023 Công ty G xác nhận số tiền nợ của bà T, ông K là 671.000.000 đồng (sáu trăm bảy mươi mốt triệu đồng) của các khoản vay trong năm 2022 và 2023, cụ thể:

Ngày 31/8/2022 Công ty G vay số tiền 395.000.000 đồng để lấy hàng;

Ngày 25/7/2023 Công ty G vay số tiền 100.000.000 đồng để thanh toán công nợ Công ty;

Ngày 28/02/2023 Công ty G vay số tiền 20.000.000 đồng để sửa chữa hơi Công ty;

Ngày 25/5/2023 Công ty G vay số tiền 10.000.000 đồng để giải quyết việc C1 đi sai lấy ra chuyển tàu khác;

Ngày 12/8/2023 Công ty G vay số tiền 6.500.000 đồng giải quyết việc GB xuất công đi trễ;

Ngày 31/8/2023 Công ty G vay số tiền 8.500.000 đồng giải quyết việc GB xuất công đi trễ;

Ngày 21/6/2023 Công ty G vay số tiền 23.000.000 đồng để mua củi;

Ngày 11/8/2023 Công ty G vay số tiền 6.500.000 đồng để mua giấy chống ẩm;

Ngày 15/8/2023 Công ty G vay số tiền 62.000.000 đồng và 39.500.000 đồng.

Toàn bộ số tiền 671.000.000 đồng này bà T, ông K giao bằng tiền mặt cho Công ty G và Công ty cũng không lập phiếu thu. Hai bên không thỏa thuận thời hạn trả tiền mà bà H1 đại diện cho Công ty G có hứa bằng miệng sẽ trả cho bà T, ông K vào bất cứ lúc nào bà T, ông K có yêu cầu. Tuy nhiên, nay bà T, ông K có nhu cầu lấy lại số tiền này và có thông báo cho Công ty G bằng văn bản ngày 19/10/2023 yêu cầu Công ty phải trả cho bà T, ông K số tiền này vào ngày 31/10/2023.

+ Ngày 31/8/2023 bà Trần Thị T có cho Công ty G mượn số tiền là 157.000.000 đồng, Công ty G nhận bằng tiền mặt và có lập phiếu thu số 000137 ngày 31/8/2023, hẹn sẽ trả cho bà T vào ngày 30 tháng 9 năm 2023. Tuy nhiên, đến này đã hết thời hạn nhưng Công ty G vẫn không trả tiền.

+ Ngày 11/9/2023 Công ty G gặp khó khăn cần tiền giải quyết công việc nên bà Trần Thị T có cho Công ty G vay số tiền là 400.000.000 đồng, Công ty G nhận bằng tiền mặt và có lập phiếu thu số 000137 ngày 11/9/2023, hẹn sẽ trả cho bà T vào ngày 30 tháng 9 năm 2023. Tuy nhiên, đến này đã hết thời hạn nhưng Công ty G vẫn không trả tiền.

+ Ngày 20/10/2023 Công ty G gặp khó khăn cần tiền giải quyết công việc nên bà Trần Thị T có cho Công ty G vay số tiền là 220.000.000 đồng, Công ty G nhận bằng tiền mặt và có lập phiếu thu số 000138 ngày 20/10/2023, hẹn sẽ trả cho bà T vào ngày 30 tháng 10 năm 2023. Tuy nhiên, đến này đã hết thời hạn nhưng Công ty G do bà H1 đại diện vẫn không trả tiền.

Tổng số tiền Công ty G vay của bà T, ông K là 6.029.000.000 đồng. Mức lãi suất hai bên thỏa thuận miệng là 2%, tuy nhiên cho đến nay phía Công ty G chưa trả cho bà T, ông K số tiền gốc cũng như tiền lãi nào.

Tất cả số tiền trên đã quá thời hạn, mặc dù bà T, ông K đã nhiều lần yêu cầu nhưng phía Công ty G không trả. Vào ngày 19/10/2023 bà T, ông K có làm thông báo gửi đến Công ty G và yêu cầu Công ty phải trả tất cả các khoản tiền đã vay của bà T, ông K chậm nhất là vào ngày 31/10/2023.

Bà Trần Thị T, ông Hoàng Văn K yêu cầu Tòa án giải quyết: Buộc Công ty trách nhiệm hữu hạn G phải trả cho bà Trần Thị T, ông Hoàng Văn K số tiền vay còn nợ là 6.029.000.000 đồng và tiền lãi tạm tính từ ngày 01/11/2023 đến ngày xét xử sơ thẩm với mức lãi suất là 10%/năm (0.83%/tháng) số tiền 266.280.000 đồng.

Tổng số tiền bà Trần Thị T, ông Hoàng Văn K yêu cầu Công ty trách nhiệm hữu hạn G trả cho bà T, ông K là 6.295.280.000 đồng.

Bị đơn Công ty Trách nhiệm hữu hạn G không có văn bản trình bày ý kiến.

Ý kiến của đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Tân Uyên, tỉnh Bình Dương:

Về việc chấp hành pháp luật tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý vụ án và tại phiên tòa hôm nay, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã tuân thủ đúng quy trình tố tụng giải quyết vụ án.

Về nội dung vụ án: Căn cứ tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và quá trình tranh tụng tại phiên tòa, Viện kiểm sát nhân dân thành phố Tân Uyên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn.

Căn cứ vào tài liệu chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của đại diện Viện Kiểm sát.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết của Tòa án :

Bà Trần Thị T, ông Hoàng Văn K khởi kiện yêu cầu Tòa án buộc bị đơn là Công ty trách nhiệm hữu hạn G trả khoản nợ đã vay theo các giấy xác nhận nợ. Công ty trách nhiệm hữu hạn G có nơi cư trú tại phường U, thành phố T. Căn cứ quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự, đây là tranh chấp hợp đồng vay tài sản và thuộc thẩm quyền giải quyết sơ thẩm của Tòa án nhân dân thành phố Tân Uyên.

[2]Về sự vắng mặt của bị đơn:

Bị đơn là Công ty G đã được Tòa án triệu tập hợp lệ 02 (hai) lần tham gia phiên tòa nhưng đều vắng mặt, không rõ lý do. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 và Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn.

[3]Về yêu cầu của đương sự:

[3.1] Bà T, ông K khởi kiện Công ty G, yêu cầu Công ty G trả nợ gốc 6.029.000.000 đồng, trong đó:

+ Số tiền 2.826.000.000 đồng được thể hiện theo Giấy mượn tiền vào ngày 05/6/2022, Giấy xác nhận nợ ngày 10/9/2023;

+ Số tiền 1.755.000.000 đồng được thể hiện theo Giấy mượn tiền ngày 15/7/2023, phiếu thu số 000136 ngày 15/7/2023;

+ Số tiền 671.000.000 đồng được thể hiện theo Giấy xác nhận mượn nợ ngày 10/9/2023;

+ Số tiền 157.000.000 đồng được thể hiện theo Phiếu thu số 000137 ngày 31/8/2023, Giấy xác nhận mượn thêm ngày 10/9/2023;

+ Số tiền 400.000.000 đồng theo Phiếu thu số 000137 ngày 11/9/2023, Giấy xác mượn nợ ngày 11/9/2023;

+ Số tiền 220.000.000 đồng theo phiếu thu ngày 20/10/2023, giấy mượn tiền ngày 20/10/2023

+ Và tiền lãi tính đến ngày xét xử là 264.284.000 đồng, tương ứng với số nợ, thời điểm chậm trả là 01/11/2023 của giấy xác nhận nêu trên với lãi suất 10% năm.

[3.2] Xét yêu cầu trả tiền nợ gốc của nguyên đơn: Bà T, ông K đưa ra các Giấy mượn tiền, giấy mượn nợ, giấy xác nhận nợ, Phiếu thu và xác định là có chữ ký của bà Ko Eun H1, người được bà Go Sun J (người đại diện theo pháp luật của Công ty G) ủy quyền theo Giấy ủy quyền ngày 22/01/2021, con dấu của Công ty G.

[3.3] Khoản Điều 12 Luật Doanh nghiệp quy định "Doanh nghiệp phải bảo đảm luôn có ít nhất một người đại diện theo pháp luật cư trú tại Việt Nam. Khi chỉ còn lại một người đại diện theo pháp luật cư trú tại Việt Nam thì người này khi xuất cảnh khỏi Việt Nam phải ủy quyền bằng văn bản cho cá nhân khác cư trú tại Việt Nam thực hiện quyền và nghĩa vụ của người đại diện theo pháp luật. Trường hợp này, người đại diện theo pháp luật vẫn phải chịu trách nhiệm về việc thực hiện quyền và nghĩa vụ đã ủy quyền" Do đó, giấy xác nhận nợ do bà Ko Eun H1 xác nhận được xem như là chính người đại diện theo pháp luật của Công ty G xác nhận.

[3.4] Tòa án đã tống đạt hợp lệ thông báo thụ lý vụ án, thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nhưng bị đơn Công ty G đều không có mặt, như vậy Công ty G đã từ bỏ quyền chứng minh của bị đơn đối với các chứng cứ do nguyên đơn cung cấp cho Tòa án. Tòa án triệu tập hợp lệ Công ty G tham gia phiên tòa lần thứ hai nhưng Công ty G vẫn không có mặt là đã từ bỏ quyền phản bác yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Do đó, có căn cứ xác định Công ty G không có ý kiến phản đối đối với chứng cứ nguyên đơn cung cấp và đã từ bỏ quyền và nghĩa vụ tố tụng của bị đơn theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

[3.5] Ngoài lời khai và chứng cứ vay tiền giữa Bà T, ông K với Công ty G thì không có chứng cứ nào khác để phủ nhận chứng cứ mà Bà T, ông K đưa ra. Căn cứ quy định tại Điều 92 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 466, Điều 469 của Bộ luật Dân sự, Hội đồng xét xử có căn cứ chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Trần Thị T, ông Hoàng Văn K về việc buộc bị đơn Công ty G phải thanh toán tổng số tiền nợ gốc là 6.029.000.000 đồng.

[4] Về yêu cầu trả tiền lãi của nguyên đơn: Xét thấy, trong các giấy vay tiền không thể hiện việc thỏa thuận của các bên về việc trả lãi và mức lãi suất, nguyên đơn thừa nhận do tin tưởng nên chỉ thỏa thuận bằng lời nói, không có lập thành văn bản, nguyên đơn căn cứ vào thời điểm 01/11/2023 là thời điểm bị đơn có nghĩa vụ trả nợ để yêu cầu bị đơn trả tiền lãi, với lãi suất 10% năm của số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả với số tiền là 266.280.000 đồng là phù hợp với quy định của khoản 2 Điều 357, khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự nên Hội đồng xét xử chấp nhận. Như vậy, tổng cộng số tiền gốc và tiền lãi mà bị đơn phải trả cho nguyên đơn là 6.295.280.000 đồng.

[5] Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Tân Uyên, tỉnh Bình Dương đề nghị chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Trần Thị T, ông Hoàng Văn K là có căn cứ.

[6] Về án phí dân sự sơ thẩm: Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm được tính trên số tiền phải trả cho nguyên đơn theo quy định tại khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Khoản 3 Điều 26; điểm b khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 1 Điều 92; Điều 93; Điều 94; Điều 95; Điều 96; Điều 97; khoản 2 Điều 147; Điều 161; Điều 162; Điều 244, Điều 266; Điều 271; khoản 1 Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Các Điều: 357, 463, 466; 468; 469 của Bộ luật Dân sự;

- Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm.

- Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Trần Thị T, ông Hoàng Văn K đối với bị đơn Công ty trách nhiệm hữu hạn G về việc tranh chấp hợp đồng vay tài sản.

Buộc Công ty trách nhiệm hữu hạn G phải trả cho Bà Trần Thị T, ông Hoàng Văn K số tiền 6.295.280.000 (sáu tỷ hai trăm chín mươi lăm triệu hai trăm tám mươi nghìn) đồng, trong đó nợ gốc 6.029.000.000 (sáu tỷ không trăm hai mươi chín triệu) đồng, tiền lãi 266.280.000 (hai trăm sáu mươi sáu triệu hai trăm tám mươi nghìn) đồng.

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, nếu người phải thi hành án chậm thi hành án thì còn phải trả tiền lãi, theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự, tương ứng với số tiền và thời gian chậm thi hành án.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Công ty trách nhiệm hữu hạn G phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 114.295.000 (một trăm mười bốn triệu hai trăm chín mươi lăm nghìn) đồng.

H2 lại cho bà Trần Thị T, ông Hoàng Văn K số tiền tạm ứng án phí dân sự đã nộp 57.139.500 (năm mươi bảy triệu một trăm ba mươi chín nghìn năm trăm) đồng tạm ứng án phí theo biên lai thu tiền số BLTU/23/0001770, ngày 18/12/2023 tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Tân Uyên, tỉnh Bình Dương.

3. Về quyền kháng cáo:

Đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế theo quy định tại Điều 6, Điều 7A, Điều 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành được thực hiện tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Bình Dương;
- VKSND tỉnh Bình Dương;
- VKS thành phố Tân Uyên;
- Chi cục THADS thành phố Tân Uyên;
- Các đương sự;
- Lưu: VT, HS.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Chữ Cần